

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2025/DS-PT

Ngày: 15/8/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Kim Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2025/ DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long): vắng mặt.

1.2. Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long): vắng mặt.

**Đại diện hợp pháp của ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ:** Anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số B P, phường P, tỉnh Vĩnh Long) (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024): có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là Khóm B, xã C, tỉnh Vĩnh Long) (có mặt).

3. *Người kháng cáo*: Ông Bùi Thanh T, ông Hồ Minh Đ là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Bùi Thanh T, Hồ Minh Đ và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Nguyên đơn ông Bùi Thanh T, ông Hồ Minh Đ yêu cầu Toà án giải quyết chấm dứt các hợp đồng vay tài sản theo các biên nhận ngày 23/9/2022, ngày 27/9/2022, ngày 13/10/2022 và ngày 08/12/2022 đối với số tiền vay 4.300.000.000 đồng thoả thuận lãi suất 9%/tháng cụ thể như sau:

Ngày 23/9/2022 ông Đ, ông T vay 750.000.000 đồng.

Ngày 27/9/2022 ông Đ, ông T vay 2.500.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2022 ông Đ, ông T vay 450.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2022 ông Đ, ông T vay 600.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh N trả ông Hồ Minh Đ bản chính 02 QSD đất thửa số 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 67,2m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị và thửa đất 196, tờ bản đồ số 20, diện tích 130,3m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị, cùng toạ lạc: Khóm D, Thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Minh Đ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 15/6/2023.

Đối với số tiền vay 4.300.000.000 đồng khi vay không thể chấp QSD đất, việc thế chấp là để đảm bảo cho khoản vay ngày 19/6/2023 đối với với số tiền vay 1.000.000.000 đồng thì ông Đ đã trả cho bà N tiền gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi là 451.000.000 đồng nhưng nay bà như vẫn chưa trả lại 02 quyền sử dụng đất cho ông Đ.

Ngoài ra trước đây ông Đ có tố cáo bà N tại cơ quan điều tra công an huyện M, tỉnh Vĩnh Long về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng, quá trình điều tra ông Đ được biết bà N không thừa nhận có cho ông Đ vay khoản vay 1.000.000.000đồng mà cho rằng 1.451.000.000 đồng là trả lãi cho khoản vay 4.300.000.000 đồng nay ông Đ yêu cầu khấu trừ số tiền 1.451.000.000 đồng vào số tiền gốc vay 4.300.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Hồ Minh Đ và ông Bùi Thanh T thay đổi yêu cầu đồng ý liên đới trả bà Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 2.849.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo mức lãi 10%/ năm.

Trường hợp đặt ra thoả thuận phía nguyên đơn ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ chỉ đồng ý trả bà N số tiền gốc 4.300.000.000 đồng, không đồng ý tính

lãi.

*Theo đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh N và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N yêu cầu phản tố buộc ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền vay 4.300.000.000 đồng và lãi suất cụ thể như sau:

Yêu cầu ông Đ, ông T trả bà N số tiền lãi của khoản vay 750.000.000 đồng vay ngày 23/9/2022 và tính lãi đến ngày 31/12/2022 là 03 tháng 11 ngày với mức lãi suất 20%/năm = 4.206.650 đồng.

Yêu cầu ông Đ, ông T trả bà N số tiền lãi của khoản vay 2.500.000.000 đồng vay ngày 27/9/2022 và tính lãi đến ngày 31/12/2022 là 03 tháng 06 ngày với mức lãi suất 20%/năm = 13.297.998 đồng.

Yêu cầu ông Đ, ông T trả bà N số tiền lãi của khoản vay 450.000.000 đồng vay ngày 13/10/2022 và tính lãi đến ngày 31/12/2022 là 02 tháng 20 ngày với mức lãi suất 20%/năm = 1.998.400 đồng.

Yêu cầu ông Đ, ông T trả bà N số tiền lãi của khoản vay 600.000.000 đồng vay ngày 02/11/2022 và tính lãi đến ngày 31/12/2022 là 01 tháng với mức lãi suất 20%/năm = 999.600 đồng.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 23/10/2024 đối với số tiền vay gốc 4.300.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm tạm tính với số tiền 1.596.538.648 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả và chậm thi hành án cho đến ngày xét xử và thi hành án xong đối với số tiền gốc 4.300.000.000 đồng.

Đối với 02 giấy chứng nhận QSD đất bản chính 02 QSD đất thửa số 203, tờ bản đồ số 20, diện tích 67,2m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị và thửa đất 196, tờ bản đồ số 20, diện tích 130,3m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị, cùng toạ lạc: Khóm D, Thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long do ông Hồ Minh Đ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 15/6/2023, bà N đồng ý trả ông Đ trong giai đoạn thi hành án.

Đối với việc khấu trừ số tiền 1.451.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng là trả lãi cho khoản vay 4.300.000.000 đồng là không đúng, thực tế phía bị đơn không nhận phần lãi này nên không đồng ý.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh N trả ông Hồ Minh Đ bản gốc 02 giấy

CNQSDĐ như sau:

- Giấy chứng nhận QSDĐ DK 750672, thửa đất số 196, tờ bản đồ số 20 diện tích 130.3m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị, do ông Hồ Minh Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

- Giấy chứng nhận QSDĐ DK 750684, thửa đất số 203, tờ bản đồ số 20 diện tích 67.23m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị, do ông Hồ Minh Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Buộc ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 2.088.402.600 đồng (hai tỷ không trăm tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn Bùi Thanh T, Hồ Minh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông T và ông Đ trả cho bà N số tiền 2.849.000.000 đồng và tính theo mức lãi suất 10%/năm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Cả 04 khoản vay đang tranh chấp tổng cộng 4.300.000.000 đồng và còn nợ vốn. Tuy nhiên, ngoài các khoản tiền vay này, ông Đ còn vay của bà N 1.000.000.000 đồng, trả lãi được 451.000.000 đồng là cao hơn quy định của pháp luật số tiền 421.000.000 đồng nên yêu cầu căn trừ số tiền trả vượt vào tiền nợ 4.300.000.000 đồng và điều chỉnh lãi suất còn 10%/năm.

*Bị đơn không có kháng cáo trình bày:* Không đồng ý kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất:* Việc bị đơn cho nguyên đơn vay tiền là có lãi. Bên vay chưa trả tiền lãi theo thỏa thuận (nguyên đơn xác định lãi vay 9%/tháng, bị đơn trình bày lãi suất cho vay theo thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/ 1.000.000 đồng).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, ông T và ông Đ đồng ý liên đới trả tiền vay gốc 4.300.000.000 đồng nhưng yêu cầu điều chỉnh lãi suất còn 10%/năm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu quan điểm về án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Thanh T, ông Hồ Minh Đ là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần kháng cáo về yêu cầu cản trừ tiền lãi trả vượt quá quy định của khoản vay khác vào số tiền vay theo nghĩa vụ phải trả, chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét lại lãi suất, điều chỉnh còn 10%/năm là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu được điều chỉnh tiền lãi, tính lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các nguyên đơn thừa nhận đã vay của bị đơn số tiền gốc tổng cộng là 4.300.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 23/9/2022, ngày 27/9/2022, ngày 13/10/2022 và ngày 08/12/2022. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định việc vay tiền là có lãi, lãi suất tương đương 9%/tháng. Từ khi vay, bên vay chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi nên không thuộc trường hợp có tranh chấp lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn Bùi Thanh T và Hồ Minh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bị đơn Nguyễn Thị Huỳnh N tiền vay gốc 4.300.000.000 đồng và 2.088.402.600 đồng tiền lãi tương ứng lãi suất đã được điều chỉnh còn 20%/năm trong thời gian chậm trả là phù hợp ý chí của các bên trong quá trình vay tiền và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà N trả ông Đ bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Với các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2025/DS -ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long).

Căn cứ Điều 148, 235, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Buộc ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 4.300.000.000 đồng (bốn tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 2.088.402.600 đồng (hai tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm lẻ hai ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn, ông Bùi Thanh T và ông Hồ Minh Đ mỗi người phải nộp 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001109 và 300.000 đồng theo biên lai số 0001110 cùng ngày 13/6/2025 của Chi cục thi hành án huyện Mang Thít, ông T và ông Đ đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm buộc bà N trả ông Đ1 bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Triệu Hữu**